

Số: 137/QĐ-DS

Mê linh, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16/8/2024 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 129/2024/TLST-DSST ngày 14/5/2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I - Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ**(viết tắt là S

Địa chỉ: **A, P. L, Q. H, TP Hà Nội**

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Lê Văn T** – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: **Trần Đình T1** – Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt

Bị đơn: **Ông Nguyễn Viết T2**, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: **Xóm B, Thôn A, xã T, huyện M, TP H** mặt

II- Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ: Anh **Nguyễn V T2** xác nhận nợ của **Ngân hàng S** số tiền tạm tính đến ngày 14/8/2024 là **1.020.683.945** đồng (*Một tỷ không trăm hai mươi triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng*); trong đó nợ gốc là **851.807.348** đồng (*T3 trăm năm mươi một triệu, tám trăm linh bảy ngàn, ba trăm bốn mươi tám đồng*), nợ lãi là **168.876.597** đồng (*Một trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm chín mươi bảy đồng*). Theo Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp số REF2200400426/HNL-NVT ngày 05/01/2022.

2. Về nghĩa vụ trả nợ: Chậm nhất đến hết ngày 31/08/2024 anh **Nguyễn Viết T3** thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 1.020.683.945 đồng (*Một tỷ không*

trăm hai mươi triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 15/8/2024 đến ngày 31/8/2024).

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày Quyết định/bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh T2 vi phạm như đã thỏa thuận ở trên, không thực hiện theo đúng thỏa thuận thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho **Ngân hàng S1** hợp đồng thế chấp, cụ thể: 01 Xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại SORENTO, số khung: RNYRG52D8MC241655 số máy: D4HEMH285684, BKS: 30H – 384.50, theo Giấy đăng ký xe ô tô số 29183440 do Phòng Công an thành phố H cấp ngày 05/01/2022 để xử lý thu hồi nợ cho **Ngân hàng TMCD** Đ và anh T2 phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong hợp đồng vay đã ký kết trên số tiền chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 01/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì anh T2 có nghĩa vụ tiếp tục phải trả nợ S cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. S được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại (các) tài sản và nguồn thu khác của ông **Nguyễn V T2** để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho S. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải được trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

Anh **Nguyễn V T2** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCD** Đ khoản tiền 6.000.000 đồng chi phí tố tụng.

4. Về án phí : Anh **Nguyễn V T2** tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là **21.310.259** đồng (*Hai mươi một triệu ba trăm mười ngàn, hai trăm năm mươi chín đồng*). Hoàn trả cho **Ngân hàng S2** số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là **20.400.000** đồng (*Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0008703 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 Hội đồng thẩm phán TANDTC; Công văn Số: 99/TANDTC- KHXX ngày 01 tháng 7 năm 2009 của Tòa án NDTC.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

“Mức lãi suất hai bên thỏa thuận” là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

III- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND Mê Linh.
- Chi cục THADS Mê Linh.
- Các đương sự.- Lưu hồ sơ; VP.

THẨM PHÁN

Tô Thanh Phong